

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-ST

Ngày: 10/3/2026

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 670/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng H - I -10, tòa nhà G, số B P, phường G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Hữu N – Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Viên H – Chuyên viên chính sách và quy trình theo Văn bản ủy quyền số 251218-2-DRS ngày 18/12/2025. Có mặt.

- Bị đơn: bà Phan Thị M, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/12/2019, bà **Phan Thị M** đã ký Hợp đồng tín dụng số 2W015854662 với **Công ty T** (sau đây gọi tắt là **Công ty T**) để vay của công ty 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) mục đích mua xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha có số khung RLHJA3913KY438868, số máy JA39E1308495. Theo đó, vào ngày 15 hàng tháng bà **M** phải thanh toán cho **Công ty T** số tiền 1.819.831đ (Một triệu tám trăm mười chín nghìn tám trăm ba mươi một đồng) liên tục trong 9 kỳ trả góp, bắt đầu từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/9/2020. Bà **M** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên **Công ty T** khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội buộc bà **M** phải trả cho **Công ty T** số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/01/2026 là 15.080.302 đồng, cụ thể như sau: Toàn bộ tiền gốc chưa thanh toán là 12.484.091đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn không trăm chín mươi một đồng); Tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 1.264.412đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười hai đồng); Tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 1.331.799đ (Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

*Bị đơn là bà **Phan Thị M** hiện không sinh sống thường xuyên tại nơi đăng ký thường trú. Toà án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **M** nhưng bà **M** vẫn không đến Toà án, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của **Công ty T**.*

Tại phiên tòa:

- Đại diện **Công ty T** yêu cầu Tòa án: Buộc bà **M** phải trả cho công ty số tiền 15.080.302 đồng:

+ Nợ gốc: 12.484.091đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn không trăm chín mươi một đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 1.264.412đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười hai đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 1.331.799đ (Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Số nợ của bà **M** được công ty chốt tổng là 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng) và không phát sinh thêm trong nhiều năm nay. Về hợp đồng thế chấp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha giữa bà **M** với công ty, công ty không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như nguyên đơn trình bày tại phiên toà. Bà **M** phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Công ty **T** khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà **Phan Thị M** hiện đăng ký thường trú tại **thôn B, xã T, thành phố Hà Nội** nên Toà án nhân dân Khu vực 10 – thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi năm 2025.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **M** nhưng bà **M** vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi năm 2025.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 18/12/2019, bà **Phan Thị M** và Công ty **T** đã ký Hợp đồng tín dụng số 2W015854662 và Đề nghị cấp tín dụng kiêm thoả thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W015854662 với nội dung: Công ty **T** cấp cho bà **M** số vốn 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) mục đích để mua xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha (tức sản phẩm được tài trợ) có số khung RLHJA3913KY438868, số máy JA39E1308495, với phương thức vay trả góp, thời hạn vay 9 tháng. Vào ngày 15 hàng tháng bà **M** phải trả cho Công ty **T** số tiền 1.819.831đ (Một triệu tám trăm mười chín nghìn tám trăm ba mươi một đồng), trả liên tục trong 9 kỳ, bắt đầu từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/9/2020. Hợp đồng tín dụng còn ghi rõ thoả thuận của các bên về lãi suất cho vay, nghĩa vụ của các bên,... Công ty **T** đã thực hiện việc cấp vốn để bà **M** mua được xe máy. Sau đó, giữa bà **M** và Công ty **T** đã ký hợp đồng thế chấp số 2W015854662 ngày 18/12/2019 với nội dung bà **M** thế chấp cho Công ty **T** chính chiếc xe máy trên.

Các chủ thể đã tự nguyện thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015 và

Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ:

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Bà **M** đã trả được cho **Công ty T** số tiền 1.807.831 (trả kỳ đầu tiên). Sau đó, từ kỳ trả nợ thứ hai trở đi, bà **M** không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, **Công ty T** khởi kiện buộc bà **M** phải trả toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ bảng sao kê, tính đến ngày 10/3/2026, bà **M** còn nợ **Công ty T** số tiền 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc: 12.484.091đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn không trăm chín mươi một đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 1.264.412đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười hai đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 1.331.799đ (Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Theo đại diện **Công ty T**, số nợ của bà **M** đã không phát sinh thêm lãi. Vì vậy, tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 cho đến nay số dư nợ của bà **M** công ty vẫn tính là 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng). Nay **Công ty T** yêu cầu Toà án buộc bà **M** chỉ phải trả số tiền 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng), không yêu cầu tính lãi phát sinh. Hội đồng xét xử thấy: Ngày 15/9/2020 là ngày trả nợ cuối cùng nhưng bà **M** vẫn không trả nợ cho **Công ty T** nên yêu cầu khởi kiện của công ty là có căn cứ và được chấp nhận. Buộc bà **M** phải trả cho **Công ty T** số tiền 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng).

Đối với Hợp đồng thế chấp số 2W015854662 ngày 18/12/2019, Công ty không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà **M** phải chịu toàn bộ 754.000đ (Bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. **Công ty T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 91, 94, 95, 108, 109, 110 và 111 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019 của **Ngân hàng N1** sửa đổi bổ sung Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Công ty T** đối với bà **Phan Thị M**.

2. Buộc bà **Phan Thị M** phải trả cho **Công ty T** số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2W015854662 và Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số 2W015854662 cùng ngày 18/12/2019 là 15.080.302đ (Mười lăm triệu không trăm tám mươi nghìn ba trăm linh hai đồng), bao gồm:

+ Nợ gốc: 12.484.091đ (Mười hai triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn không trăm chín mươi một đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 1.264.412đ (Một triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm mười hai đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 1.331.799đ (Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

3. Về án phí:

- Bà **Phan Thị M** phải chịu toàn bộ 754.000đ (Bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho **Công ty T** SAISON số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020599 ngày 22/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 10 – Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS H. Quốc Oai;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thúy

